

sử dụng con dấu, kèm theo mẫu con dấu, giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam, đồng thời phải đăng ký mẫu dấu trước khi sử dụng.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng con dấu thì được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 13. Người nào có hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14.

1. Căn cứ vào các quy định của Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng các loại con dấu dùng trong lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

2. Bộ Công an phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định thống nhất mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu trong các hệ thống tổ chức đó.

3. Bộ Công an phối hợp với Ban Tôn giáo của Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức tôn giáo tại Việt Nam quy định thống nhất mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu trong các tôn giáo.

4. Việc quản lý và sử dụng con dấu của các cơ quan, tổ chức dùng trong công tác đối ngoại thực

hiện theo quy định của Nghị định này và các quy định cụ thể của Bộ Công an sau khi trao đổi với Bộ Ngoại giao.

Điều 15. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 62/CP ngày 22 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ.

Điều 16.

1. Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có sử dụng con dấu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1070/QĐ-TTg ngày 20/8/2001 phê duyệt Dự án khả thi đầu tư xây dựng vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum giai đoạn 2000 - 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

096-58808

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 2969/BKH-VPTĐ ngày 09 tháng 5 năm 2001), Tổng công ty Giấy Việt Nam, Công văn số 826/CV-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2001), Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (Công văn số 683/UB-NL ngày 11 tháng 6 năm 2001), về Dự án khả thi đầu tư xây dựng vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum giai đoạn 2000 - 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án khả thi đầu tư xây dựng vùng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum giai đoạn 2000 - 2010 gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tên dự án: Dự án khả thi Xây dựng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum giai đoạn 2000 - 2010.

2. Chủ đầu tư: Tổng công ty Giấy Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện Dự án: 43 xã thuộc 6 huyện: ĐăkGlei, Ngọc Hồi, Đăk Tô, Đăk Hà, Kon Plông và Sa Thầy tỉnh Kon Tum.

4. Thời gian thực hiện Dự án: từ năm 2000 đến năm 2010.

5. Mục tiêu của Dự án:

Đảm bảo cung cấp đủ nguyên liệu ổn định lâu dài cho nhà máy sản xuất bột giấy Kon Tum hoạt động theo công suất thiết kế trong giai đoạn I sản xuất đạt 130.000 tấn bột giấy/năm, giai đoạn II sản xuất đạt 260.000 tấn bột giấy/năm.

Cung cấp một phần nhu cầu lâm sản tiêu dùng tại chỗ cho nhân dân trong vùng, giải quyết việc

làm cho 22.000 lao động, tăng thu nhập cho đồng bào các dân tộc trong vùng, góp phần xóa đói giảm nghèo cho đồng bào và thực hiện công tác định canh định cư, củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng dự án, nâng độ che phủ của rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum lên 67% vào năm 2005 và 72% vào năm 2010.

6. Quy mô Dự án:

- Quy hoạch quy mô diện tích rừng kinh doanh nguyên liệu giấy cho cả giai đoạn I và II là 163.914 ha trong đó rừng tự nhiên là 38.564 ha, rừng trồng 125.350 ha, bảo đảm diện tích rừng trồng, cung cấp đủ gỗ nguyên liệu cho nhà máy bột giấy Kon Tum hoạt động đạt công suất 260.000 tấn bột giấy/năm vào năm 2010.

- Phê duyệt Dự án đầu tư trồng rừng quy mô giai đoạn I, bảo đảm có diện tích rừng trồng cung cấp gỗ nguyên liệu cho nhà máy bột giấy Kon Tum hoạt động đạt công suất 130.000 tấn bột giấy/năm là:

+ Tổng diện tích rừng trồng là 64.104 ha.

Trong đó:

a) Diện tích trồng rừng trên đất trống là 24.958 ha.

b) Diện tích rừng trồng trên đất rừng le khai thác trắng là 36.155 ha.

c) Diện tích rừng trồng thay thế diện tích rừng trồng hiện có sau khi khai thác là 2.991 ha.

+ Tổng diện tích rừng nguyên liệu giấy cần bảo vệ và nuôi dưỡng là 72.859 ha.

Trong đó:

Rừng tự nhiên (tre, nứa, le, lồ ô): 38.564 ha.

Rừng đã trồng: 34.295 ha.

- Xây dựng 4.100 km đường ranh cản lửa, 125 m² trạm quản lý bảo vệ rừng, 52 chòi canh lửa, 1 (một) vườn ươm cố định và 23 vườn tạm thời, 750 km đường vận chuyển kết hợp với dân sinh, 680m² phòng làm việc.

- Các trang thiết bị cho Dự án: 9 xe ô tô chuyên dùng, 13 xe máy, 10 bộ máy vi tính, 20 bộ máy điện thoại.

7. Tổng mức vốn đầu tư giai đoạn I (bảo đảm công suất nhà máy đạt 130.000 tấn bột giấy/năm) là 1.025.193,4 triệu đồng;

Trong đó:

- Vốn quản lý bảo vệ rừng: 6.903,9 triệu đồng;
- Vốn trồng rừng nguyên liệu: 808.214,4 triệu đồng;
- Vốn nuôi-dưỡng rừng nguyên liệu: 50.077,4 triệu đồng;
- Vốn xây dựng cơ sở hạ tầng: 55.370,9 triệu đồng;
- Vốn mua sắm trang thiết bị: 1.930,0 triệu đồng;
- Nghiên cứu khoa học: 9.225,0 triệu đồng;
- Chi phí chuẩn bị đầu tư: 46.586,1 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 46.885,7 triệu đồng.

Tổng mức vốn đầu tư trên đây là mức trần, và sẽ được xác định chính thức sau khi có tổng dự toán được phê duyệt và kết quả đấu thầu được duyệt.

8. Nguồn vốn đầu tư dự kiến:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp: 65.861,3 triệu đồng;
- Vốn vay bằng nguồn vốn tín dụng ưu đãi 959.332,1 triệu đồng.

9. Vốn đầu tư phân theo giai đoạn:

- Giai đoạn năm 2000: 40.595,6 triệu đồng;
- Giai đoạn 2001 - 2005: 643.399,2 triệu đồng.

Trong đó: Vốn ngân sách cấp: 47536,2 triệu đồng;

Vốn vay: 595.863,0 triệu đồng.

- Giai đoạn 2006-2010: 341.198,6 triệu đồng.

Trong đó: Vốn ngân sách: 18.325,1 triệu đồng;

Vốn vay: 322.873,5 triệu đồng.

Điều 2. Các quy định khác đối với Dự án

1. Dự án được sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện những nội dung công việc sau đây:

- Giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp vào mục đích trồng rừng nguyên liệu giấy. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội vùng dự án (đường giao thông, trạm xá, trường học), giao vốn ngân sách cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tổ chức thực hiện các nội dung này.

- Nghiên cứu khoa học, xây dựng vườn ươm cây giống công nghiệp theo công nghệ mô hình, giao vốn ngân sách cho Tổng công ty Giấy Việt Nam thực hiện.

2. Miễn thuế sử dụng đất 100% đối với chu kỳ đầu của các loại cây trồng nguyên liệu giấy.

3. Dự án được vay 100% vốn ưu đãi để trồng rừng theo chu kỳ kinh tế của cây trồng, mức lãi suất chu kỳ đầu bằng 50% mức lãi suất ưu đãi hiện hành, các chu kỳ tiếp theo được vay vốn ưu đãi theo quy định hiện hành để trồng rừng. Hàng năm, Dự án được ứng trước 30% vốn ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch để chuẩn bị đất, giống, vật tư kỹ thuật đảm bảo cho trồng rừng đúng thời vụ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện Dự án.

1. Tổng công ty Giấy Việt Nam tính toán hoàn chỉnh hồ sơ dự án trên cơ sở các nội dung nêu tại mục 4, phần VII Công văn số 2969/BKH-VPTĐ (ngày 09 tháng 5 năm 2001) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện Dự án có hiệu quả; làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài

chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xem xét các phương án huy động vốn, cân đối các nguồn vốn và chịu trách nhiệm vay vốn đầu tư, quản lý sử dụng và trả nợ các nguồn vốn vay theo đúng các quy định của Nhà nước.

Trong thời gian đầu, Tổng công ty Giấy Việt Nam chỉ đạo Công ty Nguyên liệu giấy Đồng Nai tiến hành thực hiện Dự án, sau đó thành lập Công ty Dịch vụ trồng rừng nguyên liệu giấy và sản xuất kinh doanh bột giấy Kon Tum, trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam để tiếp tục thực hiện Dự án. Bảo đảm ngay từ đầu nhà máy sản xuất bột giấy gắn kết với vùng nguyên liệu, có trách nhiệm đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài và điều hòa lợi ích giữa người trồng rừng nguyên liệu và người sản xuất bột giấy.

Tổng công ty Giấy Việt Nam có kế hoạch làm việc với các nước bạn Lào và Campuchia để mua bổ sung nguồn nguyên liệu cho nhà máy bột giấy hoạt động đủ công suất trong những năm đầu.

2. Giao Bộ Công nghiệp, Tổng công ty Giấy Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính tìm thêm nguồn vốn ODA để thực hiện Dự án.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc quy hoạch, thiết kế, khai thác các vùng rừng tự nhiên làm nguyên liệu giấy bảo đảm đúng quy trình kỹ thuật, để rừng tái sinh phục hồi sau mỗi luân kỳ khai thác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm bảo đảm đủ diện tích đất cho Dự án theo quy hoạch trồng rừng nguyên liệu giấy, chỉ đạo thực hiện việc giao và khoán đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định lâu dài theo quy định hiện hành cho các hộ, các cá nhân và tổ chức có tư cách pháp nhân để trồng rừng nguyên liệu giấy. Ngoài mức hạn điền theo

quy định của địa phương, các hộ nông dân, các cá nhân còn được nhận thuê, khoán đất để trồng rừng (nếu còn quỹ đất).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21/8/2001 về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này là hội nghị, hội thảo do các cơ quan, tổ chức của Việt Nam tổ chức hoặc đăng cai tổ chức có sự tham gia hoặc tài trợ của nước ngoài; do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là hội nghị, hội thảo quốc tế).